**TUẦN 13**

Ngày soạn: 25/11/2021

Ngày giảng: Thứ hai ngày 29 tháng 11 năm 2021

**KÊ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 12**

**CHỦ ĐỀ 3: TRUYỀN THỐNG TRƯỜNG EM**

**Sinh hoạt dưới cờ: Tìm hiểu về quyền và bổn phận của trẻ em.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết được những quyền mà các em được hưởng: được vui chơi, học tập, yêu thương….. Bên cạnh đó biết được những bổn phận mà các em phải thực hiện.

- Có kỹ năng thực hiện những bổn phận.

- Rèn kĩ năng mạnh dạn, tự tin khi trình bày và yêu cầu người thân về quyền của mình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Máy tính, phần mềm zoom. Một số bài hát, video gia đình, trường học

**2. Đối với HS:** Máy tính, điện thoại, 1 số bức tranh, hình ảnh để giới thiệu về gia đinhg, trường học của mình.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Hoạt động 1**: **Quan sát tranh và thảo luận theo tranh.** | **1. Chào cờ: (5)**  - Ổn định tổ chức  -GV điều khiển lễ chào cờ  - Lớp nghe hát Quốc ca, Đội ca.  - GV nhận xét thi đua  - GV triển khai kế hoạch tuần.  - Tổ chức cho HS thảo luận.  - Chốt lại: trẻ em không phân biệt giàu nghè, khuyết tật đều được hưởng quyền bình đẳng trong học tập. Nhà nước có các hệ thống trường lớp chuyên biệt dành cho các em khuyết tật, trẻ em lang thang cơ nhỡ, đảm bảo quyền học hành cho các em. | - Xem tài liệu  - Nhắc lại. |
| **Hoạt động 2**: **Làm việc trên phiếu học tập.** | - Chốt lại các quyền liên quan đến học tập. | - Xem tài liệu  - Làm theo nhóm. |
| **Hoạt động 3**: **Xử lý tình huống** | - Nhận xét, kết luận.  - Chốt lại: Đi học là quyền lợi và nghĩa vụ của mọi trẻ em không phân biệt giới tính, khuyết tật giàu nghèo. Mọi trẻ em được tạo mọi điều kiện để phát triển năng lực của mình. Khi đến trường học có nhiệm vụ chăm chỉ học tập, vâng lời thầy cô giáo. | - Xem tài liệu.  - Làm việc theo nhóm.  - Các nhóm trình bày ý kiến.  - Nhắc lại |
| **Hoạt động bổ trợ:** | - Vẽ tranh.  - Hát múa ngâm thơ về trường em. |  |

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 62: IÊC, IÊN, IÊP( Tiết 1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần iêc, iên, iêp; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu và đoạn có các vần iêc, iên, iêp; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vần iêc, iên, iêp; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần iêc, iên, iêp.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Thế giới trong lòng biển được gợi ý dưới tranh. Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần iêc, iên, iêp có trong bài học.

- HS yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

**- GV:** Máy chiếu, tranh minh họa, ảnh, mẫu vật.

**- HS:** SHS, Bộ thực hành Tiếng Việt, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **5’ A. ÔN VÀ KHỞI ĐỘNG**  - Ổn định học sinh  - Yêu cầu HS đọc: ong, ông, ung, ưng, chong chóng, bông súng, bánh chưng  - Yêu cầu HS đọc đoạn văn trong SHS/135  - Yêu cầu HS viết: bánh chưng  - Nhận xét, tuyên dương. | - 3 HS đọc, đồng thanh.  - 1 HS đọc  - HS viết bảng con. |
| **B. BÀI MỚI** |  |
| **(8’) 1. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Con thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV đọc câu dưới tranh: Biển xanh biếc. Những hòn đảo lớn nhỏ trùng điệp.  - GV: Trong câu vừa đọc, có các tiếng biển, biếc, điệp. Các tiếng này đều chứa vần iên, iêc, iêp (được tô màu đỏ). Hôm nay chúng ta học vần iêc, iên, iêp  - GV viết tên bài lên bảng: Bài 62: iêc, iên, iếp  - GV chỉ và giới thiệu vần iêc, iên, iêp | + Con thấy trong tranh có biển và đảo, …  - HS đọc theo.  - Hs lắng nghe |
| **(15’) 2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ.**  **a. Đọc vần iêc, iên, iêp**  **\*** So sánh các vần:  - Vần iếc, yên, iếp có điểm gì giống nhau và khác nhau?  \* Đánh vần các vần:  - GV đánh vần mẫu 3 vần iêc, iên, iêp  \* Đọc trơn các vần: iêc, iên, iêp  - Yêu cầu HS đọc trơn  \* Ghép chữ cái tạo thành vần:  - Yêu cầu HS ghép lần lượt các vần iêc, iên, iêp  - GV lưu ý phân biệt iên/yên  **b. Đọc tiếng**  \* Hướng dẫn đọc tiếng mẫu: biếc  - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): có vần “iêc”, muốn có tiếng “biếc” ta làm như thế nào?  - GV yêu cầu HS đánh vần tiếng “biếc”.  - GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng “biếc”.  - GV yêu cầu phân tích tiếng “biếc”.  \* Đọc tiếng trong SHS:  - GV đưa các tiếng ở nhóm thứ nhất: thiếc, tiệc, xiếc  - Yêu cầu HS tìm điểm giống nhau giữa các vần  - Yêu cầu HS đánh vần tiếng  - Yêu cầu HS đọc trơn tiếng  \* Tương tự các tiếng ở nhóm vần thứ hai: điện, kiến, thiện và nhóm thứ ba: diệp, thiếp, tiệp  - Đọc tất cả các tiếng  - Yêu cầu HS gài tiếng chứa vần iêc, iên, iêp  - GV yêu cầu HS đọc tiếng ghép được  - GV nhận xét, tuyên dương.  **c. Đọc từ ngữ**  \* Hướng dẫn đọc từ “xanh biếc”.  - GV giới thiệu tranh và hỏi: con thấy gì trong tranh?  - GV giới thiệu từ “xanh biếc”.  - Yêu cầu HS tìm tiếng có vần vừa học?  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng “biếc”.  - Yêu cầu HS đọc trơn từ “xanh biếc”  \* Tương tự: bờ biển, sò điệp  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ.  - Yêu cầu lớp đọc đồng thanh toàn bài. | - HS trả lời  - HS đánh vần (cá nhân, đồng thanh).  - HS đọc trơn (cá nhân, đồng thanh).    - HS thực hiện  - HS: Thêm âm b và dấu ′ trên âm ê.  - 4-5 HS đánh, đồng thanh.  - 4-5 HS đọc trơn tiếng mẫu, đồng thanh.  - HS phân tích  - HS: đều có vần iêc  - Cá nhân, đồng thanh  - Cá nhân, đồng thanh.  - 2-3 HS, đồng thanh.  - HS tự tạo tiếng và gài.  - 1 số HS  - HS quan sát  - HS nói: xanh  - HS quan sát.  - HS: biếc  - HS phân tích và đánh vần (cá nhân, đồng thanh)  - HS đọc (cá nhân, đồng thanh).  - HS đọc cá nhân (3-4 lượt).  - HS đọc đồng thanh |
| **(12’)3. Viết bảng**  \* GV đưa mẫu chữ iêc, iên, iêp và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết.  - Chú ý độ cao; điểm đặt bút, dừng bút; cách nối nét.  - Yêu cầu HS viết bảng con: iêc, iên, iêp  - GV theo dõi, giúp đỡ.  - GV nhận xét, tuyên dương.  \* GV đưa chữ mẫu: xanh biếc, biển, sò điệp  - GV viết mẫu và nêu cách viết.  - Yêu cầu HS viết bảng con: xanh biếc, biển, sò điệp  - GV theo dõi, giúp đỡ.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Hs lắng nghe và quan sát  - Hs lắng nghe  - HS viết bảng con: iêc, iên, iêp  - Hs lắng nghe  - HS viết bảng con: xanh biếc, biển, sò điệp  - HS lắng nghe |

**Tiết 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động GV** | | **Hoạt động HS** |
| \* Cho ban văn nghệ điều khiển thư giãn  - GV yêu cầu HS đọc lại bài vừa học. | | * HS thực hiện * HS đọc âm, đánh vần tiếng, đọc trơn. |
| **(10’)4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS mở vở Tập viết tập 1  - GV đưa chữ mẫu lên bảng: xanh biếc, biển, sò điệp  + Các con chữ này có độ cao bao nhiêu?  - GV HDHS điểm đặt bút và dừng bút, cách nối nét giữa các con chữ, khoảng cách giữa các chữ.  - Yêu cầu HS viết bài vào vở.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết, nhắc nhở HS tư thế ngồi hoặc cầm bút.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS | | - HS đọc: xanh biếc, biển, sò điệp    + HS nêu  - HS lắng nghe.  - HS viết vào vở. |
| **(10’)5. Đọc đoạn**  - GV giới thiệu đoạn văn và đọc mẫu:  "Vịnh Hạ Long… đi dạo trên những bãi biển.  - Yêu cầu HS đọc thầm và tìm tiếng có vần iêc, iên, iêp  - Yêu cầu HS đọc trơn các tiếng vừa tìm được  + Đoạn văn trên có mấy câu?  - Yêu cầu HS đọc nối tiếp  - Yêu cầu HS đọc cả đoạn  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Vịnh Hạ Long có gì?  + Du khách đến Hạ Long làm gì?  - GV và HS thống nhất câu trả lời. | | - HS đọc thầm  - Hs tìm: điệp, biển, biếc  - HS đọc cá nhân, đồng thanh  + 3 câu  - hòn đảo lớn nhỏ trùng điệp.  - ngắm cảnh, tắm mát và đi dạo trên những bãi biển. |
| **(5’)6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS.  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Trong lòng biển có những gì?  + Em đã biết những loài vật nào trong lòng biển?  + Em thích loài vật nào? Vì sao?  - GV: Thiên nhiên quanh ta thật tươi đẹp, các em hãy yêu quý và bảo vệ thiên nhiên. | | + san hô, các loài cá, rùa, mực, …  + HS trả lời  - HS lắng nghe |
| **5’)C. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Tìm một số từ ngữ chứa vần iêc, iên, iêp và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS tìm và đặt câu.  - HS lắng nghe. | |

------------------------------------------

**TỰ NHIÊN XÃ HỘI**

**BÀI 7. TẾT NGUYÊN ĐÁN ( tiết 1)**

**I.MỤC TIÊU**

**\* Về nhận thức khoa học:**

- Giới thiệu được tên , thời gian diễn ra tết Nguyên đán .

- Kể được một số công việc của các thành viên trong gia đình và người dân trong dịp tết Nguyên đán .

**\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

Tìm tòi , khám phá các hoạt động đón Tết của người dân trong cộng đồng .

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

**-**Thể hiện được tình cảm của em với người thân và những người xung quanh qua việc nói về các hoạt động trong dịp Tết .

**II. CHUẨN BỊ:**

- Các hình trong SGK .

- Video clip bài hát Ngày Tết quê em ( nhạc của Từ Huy ) .

- Yêu cầu HS sưu tầm một số hình ảnh về các hoạt động của người dân trên đất nước Việt Nam trong dịp Tết .

- Yêu cầu HS mang theo một số ảnh chụp các hoạt động trong dịp Tết của gia đình ( nếu có ) .

- VBT Tự nhiên và Xã hội 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

**Những hoạt động thường diễn ra vào dịp tết Nguyên đán**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động (3 phút)** | |  | |
| - Ổn định: GV cho HS nghe nhạc và hát theo lời bài hát : Ngày Tết quê em .  - HS trả lời câu hỏi : Bài hát cho em gì về ngày Tết ?  -GV : Bài hát cho thấy không khí đón Tết trên khắp đất nước với hoa tươi , phố đông vui , người đi sắm Tết , đi chơi , thăm hỏi lẫn nhau ... và ý nghĩa thiêng liên giúp chúng ta tìm hiểu về một lễ hội truyền thống của người Việt Nam được nhắc đến trong bài hát , đó là tết Nguyên đán . | | - Hát  -HS trả lời  ­- Lắng nghe | |
| **2. Các hoạt động chủ yếu. (35 phút)** | |  | |
| **KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI** | |  | |
| **Hoạt động 1 : Tìm hiểu về những hoạt động vào dịp ngày tết Nguyên đán**  \* Mục tiêu  Nếu được những hoạt động vào dịp tết Nguyên đán . | | | |
| *\* Cách tiến hành:* | | |  |
| *Bước 1:* HS làm việc theo cặp .   * Yêu cầu HS quan sát các hình trang 54 , 55 ( SGK ) để trả lời câu hỏi :   +Những người trong mỗi hình đang làm gì ?  +Trong đó , những hoạt động nào thường diễn ra trước Tết , những hoạt động nào thường diễn ra trong dịp Tết ?  **Bước 2 : Làm việc cả lớp**  **-**GV yêu cầu HS trình bày kết quả  - GV cùng HS nhận xét , bổ sung câu trả lời | | | -HS quan sát  -HS chia sẻ và thống nhất ý kien, trả lời câu hỏi  -Đại diện trình bày kết quả  -HS tham gia nhận xét |
| \* GV kết luận hoàn thiện các câu trả lời. | | |  |
| **Hoạt động 2 : Giới thiệu về các hoạt động của em và gia đình vào dịp tết Nguyên đán**  \*Mục tiêu  -Nêu được một số hoạt động của em và gia đình trong dịp Tết | | | |
| \* Cách tiến hành  **Bước 1: Làm việc theo nhóm**   * GV yêu cầu HS chia sẻ với các bạn về những việc em cùng gia đình thường làm vào dịp Tết t * HD HS theo các câu hỏi:  1. Vào dịp tết Nguyên đán , em cùng với gia đình thường làm gì ? 2. Em thích nhất hoạt động nào ? Vì sao ?   *Bước 2 : Làm việc cả lớp*   * Yêu cầu HS chia sẻ trước lớp * GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm các thông tin và hình ảnh về tết Nguyên đán .-- GV kết hợp với HS nhận xét | * HS thảo luận, chia sẻ với các bạn cùng nhóm * HS chia se với các bạn trước lớp * HS theo dõi, nhận xét | | |

Ngày soạn: 27/11/2021

Ngày giảng: Thứ ba ngày 30 tháng 11 năm 2021

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 63: IÊNG, IÊM, YÊN( Tiết 1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần iêng, iêm, yên; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu và đoạn có các vần iêng, iêm, yên; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.Viết đúng các vần iêng, iêm, yên; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần iêng, iêm, yên.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Loài chim được gợi ý dưới tranh. Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần iêng, iêm, yên có trong bài học.

- HS yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

**- GV:** Máy chiếu, tranh minh họa, ảnh, mẫu vật.

**- HS:** SHS, Bộ thực hành Tiếng Việt, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **(5’)A. ÔN VÀ KHỞI ĐỘNG**  - Ổn định học sinh  - Yêu cầu HS đọc: iêc, iên, iêp, xanh biếc, bờ biển, sò điệp  - Yêu cầu HS đọc đoạn văn trong SHS/137  - Yêu cầu HS viết: sò điệp  - Nhận xét, tuyên dương. | - 3 HS đọc, đồng thanh.  - 1 HS đọc  - HS viết bảng con. |
| **B. BÀI MỚI** |  |
| (8’)1. Nhận biết  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Con thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV đọc câu dưới tranh: Yến phụng có bộ lông tím biêng biếc, trông rất diêm dúa.  - GV: Trong câu vừa đọc, có các tiếng yến, biêng, diêm. Các tiếng này đều chứa vần yên, iêng, iêm (được tô màu đỏ). Hôm nay chúng ta học vần yên, iêng, iêm  - GV viết tên bài lên bảng: Bài 64: iêng, iêm, yên  - GV chỉ và giới thiệu vần iêng, iêm, yên | + Con thấy trong tranh có con chim yến, …  - HS đọc theo.  - Hs lắng nghe |
| **(15’)2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ.**  **a. Đọc vần iêng, iêm, yên**  **\*** So sánh các vần:  - Vần iêng, iêm, yên có điểm gì giống nhau và khác nhau?  \* Đánh vần các vần:  - GV đánh vần mẫu 3 vần iêng, iêm, yên  \* Đọc trơn các vần:  - Yêu cầu HS đọc trơn  \* Ghép chữ cái tạo thành vần:  - Yêu cầu HS ghép lần lượt các vần iêng, iêm, yên  - GV lưu ý phân biệt iên/yên  **b. Đọc tiếng**  \* Hướng dẫn đọc tiếng mẫu: biêng  - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): có vần “iêng”, muốn có tiếng “biêng” ta làm như thế nào?  - GV yêu cầu HS đánh vần tiếng “biêng”.  - GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng “biêng”.  - GV yêu cầu phân tích tiếng “biêng”.  \* Đọc tiếng trong SHS:  - GV đưa các tiếng ở nhóm thứ nhất: kiễng, liệng, riềng  - Yêu cầu HS tìm điểm giống nhau giữa các vần  - Yêu cầu HS đánh vần tiếng  - Yêu cầu HS đọc trơn tiếng  \* Tương tự các tiếng ở nhóm vần thứ hai: diềm, kiểm, xiêm và nhóm thứ ba: yên, yến, yểu  - Đọc tất cả các tiếng  - Yêu cầu HS gài tiếng chứa vần iêng, iêm, yên  - GV yêu cầu HS đọc tiếng ghép được  - GV nhận xét, tuyên dương.  **c. Đọc từ ngữ**  \* Hướng dẫn đọc từ “sầu riêng”.  - GV giới thiệu tranh và hỏi: con thấy gì trong tranh?  - GV giới thiệu từ “sầu riêng”.  - Yêu cầu HS tìm tiếng có vần vừa học?  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng “riêng”.  - Yêu cầu HS đọc trơn từ “sầu riêng”  \* Tương tự: cá kiếm, tổ yến  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ.  - Yêu cầu lớp đọc đồng thanh toàn bài. | - HS trả lời  - HS đánh vần (cá nhân, đồng thanh).  - HS đọc trơn (cá nhân, đồng thanh).    - HS thực hiện  - HS đọc trơn lại 3 vần(cá nhân, đồng thanh).  - HS: Thêm âm b và vần iêng  - 4-5 HS đánh, đồng thanh.  - 4-5 HS đọc trơn tiếng mẫu, đồng thanh.  - HS phân tích  - HS: đều có vần iêng  - Cá nhân, đồng thanh  - Cá nhân, đồng thanh.  - 2-3 HS, đồng thanh.  - HS tự tạo tiếng và gài.  - 1 số HS  - HS quan sát  - HS nói: sầu riêng  - HS quan sát.  - HS: riêng  - HS phân tích và đánh vần (cá nhân, đồng thanh)  - HS đọc (cá nhân, đồng thanh).  - HS đọc cá nhân (3-4 lượt).  - HS đọc đồng thanh |
| **(12’)3. Viết bảng**  \* GV đưa mẫu chữ iêng, iêm, yên và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết.  - Chú ý độ cao; điểm đặt bút, dừng bút; cách nối nét.  - Yêu cầu HS viết bảng con: iêng, iêm, yên  - GV theo dõi, giúp đỡ.  - GV nhận xét, tuyên dương.  \* GV đưa chữ mẫu: sầu riêng, cá kiếm, yến  - GV viết mẫu và nêu cách viết.  - Yêu cầu HS viết bảng con: nhiệt kế, yêu chiều  - GV theo dõi, giúp đỡ.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Hs lắng nghe và quan sát  - Hs lắng nghe  - HS viết bảng con: iêng, iêm, yên  - Hs lắng nghe  - HS viết bảng con: sầu riêng, cá kiếm, yến  - HS lắng nghe |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| \* Cho ban văn nghệ điều khiển thư giãn  - GV yêu cầu HS đọc lại bài vừa học. | * HS thực hiện * HS đọc âm, đánh vần tiếng, đọc trơn. |
| **(10’)4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS mở vở Tập viết tập 1  - GV đưa chữ mẫu lên bảng: sầu riêng, cá kiếm, yến  + Các con chữ này có độ cao bao nhiêu?  - GV HDHS điểm đặt bút và dừng bút, cách nối nét giữa các con chữ, khoảng cách giữa các chữ.  - Yêu cầu HS viết bài vào vở.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết, nhắc nhở HS tư thế ngồi hoặc cầm bút.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS | - HS đọc: sầu riêng, cá kiếm, yến    + HS nêu  - HS lắng nghe.  - HS viết vào vở. |
| **(10’)5. Đọc đoạn**  - GV giới thiệu đoạn văn và đọc mẫu:  "Hà theo bố đến sân chim… trông thật yên bình.  - Yêu cầu HS đọc thầm và tìm tiếng có vần iêng, iêm, yên  - Yêu cầu HS đọc trơn các tiếng vừa tìm được  + Đoạn văn trên có mấy câu?  - Yêu cầu HS đọc nối tiếp  - Yêu cầu HS đọc cả đoạn  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Chủ nhật, bố và Hà đi đâu?  + Sân chim có gì?  + Sau một ngày kiếm ăn, đàn chim làm gì?  - GV và HS thống nhất câu trả lời. | - HS đọc thầm.  - Hs tìm: liệng, kiếm, yên  - HS đọc cá nhân, đồng thanh  + 4 câu  - 3 HS đọc cá nhân  - 2-3 HS, đồng thanh  + đến sân chim  + cò, diệc, sáo, bồ nông.  + Ríu rít về tổ. |
| **(5’)6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS.  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Em có biết tên loài chim nào trong các tranh không?  + Những con chim trong các tranh đang làm gì?  + Em có biết điểm đặc biệt nào của những loài chim này không?    - GV:Chúng ta phải biết yêu quý bảo vệ loài chim nói riêng, loài đông vật nói chung. | - HS quan sát tranh và trả lời.  + én, vẹt, hoạ mi,…  + đang bay, đậu trên cành    + Én báo hiệu mùa xuân; Vẹt biết bắt chước tiếng người; Hoạ mi hót hay  - HS lắng nghe |
| **(5’)C. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Tìm một số từ ngữ chứa vần iêng, iêm, yên và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS tìm và đặt câu.  - HS lắng nghe. |

***--------------------------------------------***

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 64: IÊT, IÊU, YÊU(tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần iêt, iêu, yêu; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu và đoạn có các vần iêt, iêu, yêu; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.Viết đúng các vần iêt, iêu, yêu; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần iêt, iêu, yêu.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Thế giới trên bầu trời được gợi ý dưới tranh.Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần iêt, iêu, yêu có trong bài học.

- HS yêu thích môn học.

**I. CHUẨN BỊ**

**- GV:** Máy chiếu, tranh minh họa, ảnh, mẫu vật.

**- HS:** SHS, Bộ thực hành Tiếng Việt, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **(5’)A. ÔN VÀ KHỞI ĐỘNG**  - Ổn định học sinh  - Yêu cầu HS đọc: iêng, iêm, iên, kiễng, liệng, sầu riêng, cá kiếm, tổ yến  - Yêu cầu HS đọc đoạn văn trong SHS/139  - Yêu cầu HS viết: sầu riêng  - Nhận xét, tuyên dương. | - 3 HS đọc, đồng thanh.  - 1 HS đọc  - HS viết bảng con. |
| **B. BÀI MỚI** |  |
| **(8’)1. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Con thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV đọc câu dưới tranh: Em yêu sách. Nhờ có sách, em biết nhiều điều hay.  - GV: Trong câu vừa đọc, có các tiếng yêu, biết, nhiều, điều. Các tiếng này đều chứa vần iết, iêu, yêu (được tô màu đỏ). Hôm nay chúng ta học vần iêt, iêu, yêu  - GV viết tên bài lên bảng: Bài 64: iêt, iêu, yêu  - GV chỉ và giới thiệu vần iêt, iêu, yêu | + Con thấy trong tranh có hai bạn nhỏ đang ngồi đọc sách ở dưới gốc cây, …  - HS đọc theo.  - Hs lắng nghe |

TOÁN

. TIẾT 38: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 (Tiết 2)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Biết cách tìm kết quả một phép trừ trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một sổ tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các năng lực toán học: năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

* VBT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu: 3’**  - Tổ chức cho HS đố nhau về các phép tính trừ trong phạm vi 10.  - GV nhận xét, tuyên dương  **2. Hoạt động thực hành, luyện tập (30’)**  **Bài 2:**  - Gọi HS nêu yêu cầu  - Yêu cầu học sinh làm bài cá nhân  - Gọi HS chữa bài  - GV ghi kết quả lên bảng  - GV nhận xét bài của một số HS.  **Bài 3**:  - Gọi HS nêu yêu cầu  - Yêu cầu học sinh quan sát tranh và nêu tình huống theo cặp  - Gọi 1 số cặp nêu tình huống và phép tính.  - GV nhận xét, tuyên dương.  3. Hoạt động vận dụng (5’)  - Yêu cầu học sinh nêu một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 và nêu phép tính theo nhóm đôi.  - GV đưa 1 số phép tính trong phạm vi 10  - GV nhận xét, tuyên dương.  \* Củng cố, dặn dò (5’)  - Bài học hôm nay, các em biết thêm được điều gì? HS có thể xem lại bức tranh khởi động trong sách nêu phép trừ tương ứng.  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn | - HS đố nhau theo cặp  **Bài 2**  - HS nêu: tính  - HS làm bài vào VBT  - HS học đáp theo cặp về các phép tính  - HS đổi chéo vở kiểm tra bài cho nhau.  **Bài 3**  - HS nêu: tính  - HS nêu tình huống theo cặp  *Ví dụ:* Có 9 mảnh gỗ cần sơn. Đã sơn được 7 mảnh. Hỏi còn lại mấy mảnh gỗ chưa sơn? Phép tính tương ứng là:  9 - 7 = 2.  - 1- 2 cặp nêu tình huống và phép tính thích hợp.  - HS nhận xét.  - HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 và nêu phép tính.  - HS nêu tình huống phù hợp với phép tính đó.  - HS trả lời  - Lắng nghe, thực hiện ở nhà |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** (Nếu có)

…………………………………………………………...……………………………………………………...………………………………………………………………………………...………………………………………………………

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 64: IÊT, IÊU, YÊU(tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần iêt, iêu, yêu; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu và đoạn có các vần iêt, iêu, yêu; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.Viết đúng các vần iêt, iêu, yêu; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần iêt, iêu, yêu.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Thế giới trên bầu trời được gợi ý dưới tranh.Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần iêt, iêu, yêu có trong bài học.

- HS yêu thích môn học.

**I. CHUẨN BỊ**

**- GV:** Máy chiếu, tranh minh họa, ảnh, mẫu vật.

**- HS:** SHS, Bộ thực hành Tiếng Việt, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| \* Cho ban văn nghệ điều khiển thư giãn  - GV yêu cầu HS đọc lại bài vừa học. | * HS thực hiện * HS đọc âm, đánh vần tiếng, đọc trơn. |
| **(10’)4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS mở vở Tập viết tập 1/41  - GV đưa chữ mẫu lên bảng: nhiệt kế, yêu chiều  + Các con chữ này có độ cao bao nhiêu?  - GV HDHS điểm đặt bút và dừng bút, cách nối nét giữa các con chữ, khoảng cách giữa các chữ.  - Yêu cầu HS viết bài vào vở.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết, nhắc nhở HS tư thế ngồi hoặc cầm bút.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS | - HS đọc: nhiệt kế, yêu chiều  + HS nêu  - HS lắng nghe.  - HS viết vào vở. |
| **(10’)5. Đọc đoạn**  - GV giới thiệu đoạn văn và đọc mẫu:  "Bố cho Nam và em, chơi thả diều… chao liệng trên bầu trời.  - Giảng từ:  + căng dây: kéo cho thật thẳng.  +chao liệng: bay lên cao rồi đưa đi đưa lại.  - Yêu cầu HS đọc thầm và tìm tiếng có vần iêt, iêu, yêu  - Yêu cầu HS đọc trơn các tiếng vừa tìm được  + Đoạn văn trên có mấy câu?  - HDHS đọc câu 2: “Bố dạy Nam/ biết cách vừa chạy/ vừa kéo căng dây/ và giật giật/ để con diều có thể bay cao.” Câu 3: “Hai anh em thích thú/ ngắm nhìn những cánh diều sặc sỡ,/ đáng yêu chao liệng trên bầu trời.”  - Yêu cầu HS đọc nối tiếp  - Yêu cầu HS đọc cả đoạn  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Bố và hai anh em Nam làm gì?  + Bố dạy Nam điều gì?  + Những cánh diều như thế nào?  - GV và HS thống nhất câu trả lời. | - HS đọc thầm.  - Hs tìm: diều, biết, yêu  - HS đọc cá nhân, đồng thanh  + 3 câu    - 3 HS đọc cá nhân  - 2-3 HS, đồng thanh  + thả diều  + vừa chạy vừa kéo căng dây và giật giật để con diều có thể bay cao.  + Những cánh diều sặc sỡ, đáng yêu chao liệng trên bầu trời. |
| **(5’)6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS.  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Con hãy tìm trong tranh những sự vật tự nhiên?  + Tìm trong tranh những sự việc do con người tạo ra.  + Tìm điểm giống nhau và khác nhau của các nhóm sự vật:  a.máy bay, diều, chim  b.mặt trăng, mặt trời, vì sao  - GV: Thiên nhiên quanh ta thật tươi đẹp, các em hãy yêu quý và bảo vệ thiên nhiên. | - HS quan sát tranh và trả lời.  + mặt trời, trăng, sao,…  + máy bay, diều, …    a. Giống nhau: bay được trên bầu trời; khác nhau: chim tự bay được, các sự vật khác phải có con người hỗ trợ.  b. Giống nhau: đều toả sáng trên bầu trời; khác nhau: mặt trời toả sáng vào ban ngày, mặt trăng và các vì sao toả sáng vào ban đêm.  - HS lắng nghe |
| **(5’)C. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - Tìm một số từ ngữ chứa vần iêt, iêu, yêu và đặt câu với từ ngữ tìm được thông qua trò chơi “Bắn tên”.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS tìm và đặt câu.  - Lắng nghe. |

***---------------------------------------------***

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 65: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nắm vững cách đọc các vần iêng, iêm, yên ,iêt, iêu, yêu, ong, ông, ung, ưng, iêc, iên, iêp ;cách đọc các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần iêng, iêm, yên ,iêt, iêu, yêu, ong, ông, ung, ưng, iêc, iên, iêp; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết cầu có từ ngữ chứa một số vần đã học. Phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể chuyện Lửa, mưa và con hổ hung hãn trả lời câu hỏi về những gì đã nghe và kể lại câu chuyện. Câu chuyện cũng giúp HS rèn kĩ năng suy luận, đánh giá và ý thức khiêm tốn trong giao tiếp, ứng xử.

- HS yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

**- GV:** Máy chiếu, tranh minh họa, ảnh, mẫu vật.

**- HS:** SHS, Bộ thực hành Tiếng Việt, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **(5’)A. ÔN VÀ KHỞI ĐỘNG**  - Ổn định học sinh  - GV tổ chức trò chơi tiếp sức:  + GV phổ biến luật chơi: Cô chia lớp thành 2 đội, mỗi đội cử 5 bạn đại diện tham gia trò chơi.  + Cách chơi: gắn thẻ các sự vật đúng nhóm: Thế giới trong lòng biển, Thế giới trên bầu trời.  + Đại diện mỗi nhóm thuyết trình về chủ đề của nhóm mình.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Giới thiệu bài: Hôm nay cô trò mình cùng ôn lại các vần đã học trong tuần và tập kể chuyện qua bài 65: Ôn tập và kể chuyện | + HS lắng nghe  + HS thực hiện  + 1HS thuyết trình |
| **B. BÀI MỚI** |  |
| **(10’)1. Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  \* Đọc tiếng:  - HS mở S/142 và đọc thầm các tiếng.  - Hướng dẫn HS làm việc theo nhóm 2: 1HS đọc từ - 1HS đánh vần.  \* Đọc từ ngữ:  - Yêu cầu HS đọc thầm các từ. | - HS đọc thầm  - HS thực hiện trong nhớm 2  - HS đọc nối tiếp theo nhóm 2  - HS đọc đồng thanh  - HS đọc thầm  - Đọc nối tiếp, đồng thanh |
| **(10’)2. Đọc câu**  \* Đọc đoạn:  - GV giới thiệu đoạn văn và đọc mẫu:  "Trái đất của chúng ta vô cùng rộng lớn… bảo vệ sự sống trên trái đất này.”  - Giảng từ:  + trùng điệp: liên tiếp nhau, hết lớp này đến lớp khác.  + bao la, mênh mông: rộng lớn  + Đoạn văn trên có mấy câu?  - HDHS đọc câu:  + Câu 1: “Trái đất của chúng ta/ vô cùng rộng lớn.”  + Câu 7: “Chúng ta cần biết yêu quý,/ giữ gìn và bảo vệ/ sự sống trên trái đất này”  - Yêu cầu HS đọc nối tiếp  - Yêu cầu HS đọc cả đoạn  - HS trả lời các câu hỏi:  + Trái đất của chúng ta thế nào?  + Sự sống trên trái đất ra sao?  + Chúng ta cần làm gì cho sự sống trên trái đất?  - GV và HS thống nhất câu trả lời. | - HS đọc thầm  - 7 câu  - 1HS đọc  - 1HS đọc  - HS đọc nối tiếp câu  - 1-2 HS đọc, lớp đọc đồng thanh  +Trái đất của chúng ta vô cùng rộng lớn.  + Sự sống không ngừng sinh sôi, nảy nở.  + Chúng ta cần biết yêu quý,giữ gìn và bảo vệ sự sống trên trái đất này. |
| **(10’)3. Viết**  - GV yêu cầu HS mở vở Tập viết tập 1/41  - GV yêu cầu HS nêu nội dung bài viết.  + Trong câu này có chữ nào viết hoa?  + GV hướng dẫn viết chữ C hoa  + Hướng dẫn HS tô chữ C trên không  - GV lưu ý HS viết đúng độ cao, khoảng cách giữa các con chữ và giữa các chữ, viết liền mạch  - Yêu cầu HS viết bài vào vở.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết, nhắc nhở HS tư thế ngồi hoặc cầm bút.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS | - HS mở vở/41  - HS: Cánh diều chao liệng trên bầu trời.  + HS nêu: chữ C    - HS quan sát  - HS thực hiện  - HS viết vào vở. |

Ngày soạn: 25/11/2021

Ngày giảng: Thứ tư ngày 01 tháng 12 năm 2021

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 65: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nắm vững cách đọc các vần iêng, iêm, yên ,iêt, iêu, yêu, ong, ông, ung, ưng, iêc, iên, iêp ;cách đọc các tiếng, từ ngữ, cầu, đoạn có các vần iêng, iêm, yên ,iêt, iêu, yêu, ong, ông, ung, ưng, iêc, iên, iêp; hiểu và trả lời được các cầu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết cầu có từ ngữ chứa một số vần đã học. Phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể chuyện Lửa, mưa và con hổ hung hãn trả lời câu hỏi về những gì đã nghe và kể lại câu chuyện. Câu chuyện cũng giúp HS rèn kĩ năng suy luận, đánh giá và ý thức khiêm tốn trong giao tiếp, ứng xử.

- HS yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

**- GV:** Máy chiếu, tranh minh họa, ảnh, mẫu vật.

**- HS:** SHS, Bộ thực hành Tiếng Việt, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| *\* Cho ban văn nghệ điều khiển thư giãn*  *- GV yêu cầu HS đọc lại bài vừa học.* | * *HS thực hiện* * *HS đọc âm, đánh vần tiếng, đọc trơn.* |
| **4. Kể chuyện** |  |
| **(2’)a. Văn bản**  **Lửa, mưa và con hổ hung hăng** |  |
| **10’)b. GV kể chuyện, đặt câu hỏi**  Lần 1: GV kể toàn bộ cầu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt cầu hỏi.  \* Đoạn 1: Từ đầu đến cho đến tận bây giờ.  1. Tính tình hổ như thế nào?  2. “Con vật lạ” đầu tiên mà hổ gặp thực ra là gì?  3. Gặp “con vật lạ” đó, hổ làm gì?  4. Vì sao hổ bị xém lông?  \* Đoạn 2: Từ Hổ còn chưa hoàn hồn đến Ta sẽ cho ngươi biết tay.  5. Hổ tiếp tục gặp ai?  6. Hổ tưởng mưa làm gi?  7. Mưa nói gì khiến hổ giận dữ?  \* Đoạn 3: Tiếp theo cho đến hết.  8. Gặp hai người thợ săn, hổ làm gì?  9. Mưa làm gì để giúp hổ?  10. Thoát nạn, hổ thế nào? | - HS lắng nghe  - Thảo luận nhóm 2 và trả lời câu hỏi  1. rất hung hăng  2. là lửa  3. lao vào lửa  4. vì lửa không buông tha mà vẫn đuổi theo hổ, hổ nhảy xuống dòng nước nhưng nước chỉ làm dịu vết bỏng còn vết xém vẫn còn.  5. gặp mưa  6. ném sỏi vào hổ  7. mưa bảo hổ là ngốc nghếch  8. quay đầu chạy trốn  9. mưa trút xuống ào ào làm cho hai người thợ săn vội vã về nhà.  10. tự thấy xấu hổ, không còn hung hăng như trước nữa. |
| **15’)c. HS kể chuyện.**  - Hướng dẫn HS kể lại từng đoạn trong nhóm đôi.  - Yêu cầu HS kể từng đoạn trước lớp | - HS kể trong nhóm 2  - HS kể trước lớp  - 1HS kể lại toàn bộ câu chuyện |
| **(5’)C. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS ôn lại các vần vừa học và thực hành giao tiếp ở nhà.  - Kể lại câu chuyện cho người thân nghe. | -HS lắng nghe |

**TIẾNG VIỆT**

**Ôn luyện tuần 13 - Tiết 1**

**LUYỆN VIẾT ONG, ÔNG, UNG, ƯNG, IÊC, IÊN, IÊP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Gìúp HS củng cố về đọc viết các vần ong, ông, ung, ưng, iêc, iên, iêp đã học.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết câu có từ ngữ chứa một số vần đã học. - -Thêm yêu thích môn học

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở ô ly mẫu chữ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  ong, ông, ung, ưng, iêc, iên, iêp  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  ong, ông, ung, ưng, iêc, iên, iêp, nép, long, hồng, chung, chưng, biếc, liên, tiếp. Mỗi chữ 1 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** (Nếu có)

…………………………………………………………...……………………………………………………...………………………………………………………………………………...………………………………………………………

Ngày soạn: 29/11/2021

Ngày giảng: Thứ năm ngày 02 tháng 12 năm 2021

TIẾNG VIỆT

**Ôn luyện tuần 13 - Tiết 2**

**LUYỆN VIẾT IÊNG, IÊM, YÊN, IÊT, IÊU, YÊU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Gìúp HS củng cố về đọc viết các iêng, iêm, yên ,iêt, iêu, yêu đã học.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết câu có từ ngữ chứa một số vần đã học. - -Thêm yêu thích môn học

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở ô ly mẫu chữ

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của gìáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  iêng, iêm, yên ,iêt, iêu, yêu  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  iêng, iêm, yên ,iêt, iêu, yêu, nghiêng, xiêm, yến, kiệt, siêu, yếu. Mỗi chữ 1 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** (Nếu có)

…………………………………………………………...……………………………………………………...………………………………………………………………………………...………………………………………………………

**TOÁN**

**Bài 30. LUYỆN TẬP**

I.MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố kĩ năng làm tính trừ trong phạm vi 10.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II.CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG DẠY | HOẠT ĐỘNG HỌC |
| A. Hoạt động khởi động  HS thực hiện các hoạt động sau:  Chơi trò chơi “Truyền điện” ôn tập phép trừ trong phạm vi 10.  - GV nhận xét | -HSChơi trò chơi “Truyền điện”  -HS chia sẻ: Cách thực hiện phép trừ của mình; Để có thể tính nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì? |
| B. Hoạt động thực hành, luyện tập  Bài 1  Cá nhân HS làm bài 1:  + Quan sát các thẻ chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài.  + Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.  + Chọn số thích hợp đặt vào ô ? .  -GV nhận xét | Quan sát các thẻ chấm tròn. Đọc hiểu yêu cầu đề bài.  -HS đặt câu hỏi, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. |
| Bàỉ 2  -Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài  Đổi vở, đặt và trả lời câu hỏi để kiểm tra các phép tính đã thực hiện. | HS có thể dùng thao tác đếm lùi để tìm kết quả phép tính |
| Bài 3  - Cá nhân HS tự làm bài 3:  a.Thực hiện các phép tính trừ để tìm kết quả, từ đó chỉ ra các phép tính sai. Cụ thể, các phép tính sai là: 10-5 = 4; 10 – 4 = 7; 7 – 2 = 9.  b.Sửa các phép tính sai cho đúng: 10-5 **= 5;** 10 – 4 = **6;** 7 – 2 = **5.** | -HS thảo luận với bạn về cách làm bài rồi chia sẻ trước lóp. |
| Bài 4  - HD HS quan sát tranh  *Ví dụ:* a) Có 7 chiếc mũ bảo hiểm. Các bạn lấy ra 2 chiếc để đội. Còn lại mấy chiếc mũ bảo hiểm trên bàn? | -HS quan sát |
| HDHS làm tương tự với hai trường hợp b), c).  HDHS tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. | Thực hiện phép trừ 7 – 2 = 5. Còn 5 chiếc mũ bảo hiểm trên bàn. Vậy phép tính thích hợp là 7 – 2 = 5.  -HS kể |
| C. Hoạt động vận dụng  HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10. | -HS nêu |
| C.Củng cố, dặn dò  Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |  |

**TỰ NHIÊN XÃ HỘI**

**BÀI 7. TẾT NGUYÊN ĐÁN ( tiết 2)**

**I.MỤC TIÊU**

**\* Về nhận thức khoa học:**

- Giới thiệu được tên , thời gian diễn ra tết Nguyên đán .

- Kể được một số công việc của các thành viên trong gia đình và người dân trong dịp tết Nguyên đán .

**\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

Tìm tòi , khám phá các hoạt động đón Tết của người dân trong cộng đồng .

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

**-**Thể hiện được tình cảm của em với người thân và những người xung quanh qua việc nói về các hoạt động trong dịp Tết .

**II. CHUẨN BỊ:**

- Các hình trong SGK .

- Video clip bài hát Ngày Tết quê em ( nhạc của Từ Huy ) .

- Yêu cầu HS sưu tầm một số hình ảnh về các hoạt động của người dân trên đất nước Việt Nam trong dịp Tết .

- Yêu cầu HS mang theo một số ảnh chụp các hoạt động trong dịp Tết của gia đình ( nếu có ) .

- VBT Tự nhiên và Xã hội 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 2**  **Tết Nguyên đán qua bộ sưu tập của nhóm em** | |
| LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG | |
| **Hoạt động 3 : Giới thiệu các thông tin và hình ảnh về tết Nguyên đán**  \* Mục tiêu  Giới thiệu được các thông tin và hình ảnh về tết Nguyên đán đã sưu tầm được . | |
| \* Cách tiến hành  \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Làm việc theo nhóm*  - GV yêu cầu HS đưa ra những thông tin hoặc hình ảnh đã sưu tầm được về tết Nguyên đán ( bao gồm cả các ảnh chụp về hoạt động của gia đình mình trong những ngày Tết )  - GV theo dõi hd HS thực hiện  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu các nhóm trưng bày và giới thiệu bộ sưu tập của nhóm mình trước lớp .  - GV cùng HS nhận xét xem nhóm nào sưu tầm được nhiều thông tin , hình ảnh bổ ích về những hoạt động đón tết Nguyên đán ở Việt Nam và hoặc một số nước khác  -Yêu cầu HS đọc phần chốt kiến thức ở cuối bài . | - Nhóm trưởng điều khiển các bạn thảo luận về cách nhóm sẽ trình bày , sắp xếp bộ sưu tập những thông tin hoặc hình ảnh về tết Nguyên đán của nhóm mình . Đồng thời cùng nhau tập trình bày .  - Các thành viên quan sát chia sẻ thống nhất trong nhóm.   * HS trưng bày SP   - HS các nhóm đi tham quan sản phẩm của nhau và lắng nghe khi nhóm bạn giới thiệu về những thông tin , hình ảnh mà các bạn đã sưu tầm được  -Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp  -HS đọc |
| **3. Hoạt động nối tiếp.**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | - Lắng nghe |

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 66: UÔI – UÔM (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vẩn uôi, uôm; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vẩn uôi, uôm; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vẩn uôi, uôm; viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vẩn uôi, uôm. Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vẩn uôi, uôm có trong bài học.

- Phát triển kĩ năng nói về việc đi lại trên biển. Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết cảnh sắc bình minh trên biển, các phương tiện trên biển (thuyên buồm, tàu đánh cá) và các hoạt động trên biển; suy đoán nội dung tranh minh hoạ (cánh buồm căng gió, cảnh sắc và các hoạt động lúc bình minh trên biển).

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và đời sống trên biển thông qua các hình ảnh trong bài.

**II. CHUẨN BỊ**

**- GV:** Máy chiếu, tranh minh họa, ảnh, mẫu vật.

**- HS:** SHS, Bộ thực hành Tiếng Việt, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Tiết 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động GV** | | **Hoạt động HS** | |
| **(5’)A. ÔN VÀ KHỞI ĐỘNG**  - Tổ chức trò chơi: **Chiếc hộp kì diệu**  + GV chuẩn bị các phiếu ghi từ ngữ chứa vần đã ôn trong bài 65, cho học sinh vừa hát vừa chuyền hộp, khi có hiệu lệnh dừng của GV, chiếc hộp dừng lại tại HS nào thì em đó được quyền bốc thăm phiếu và đọc to, nếu HS đọc tốt thì được khen một tràng pháo tay, nếu HS đọc chưa được GV nhờ HS khác giúp đỡ.  *xung phong, xanh biếc, hiểu biết, trùng điệp, yêu mến, yên tĩnh*  *tiếng trống, khu rừng, khiêm tốn*  *rong biển*  - GV và cả lớp tuyên dương HS sau mỗi lần đọc đúng.  - GV tổng kết trò chơi.  - Dẫn vào bài: | | - HS tham gia chơi.  - HS vỗ tay.  - HS lắng nghe. | |
|  | **B. BÀI MỚI** | | |
| **(8’)1. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh.  - GV đọc chậm rãi câu dưới tranh:  *Thuyền buồm/ xuôi/ theo chiều gió.*  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV yêu cầu HS đọc lại câu nhận biết một số lần: *Thuyền buồm/ xuôi/ theo chiều gió.*  - GV: Trong câu vừa đọc, có các tiếng: buồm chứa vần uôm, xuôi chứa vần uôi được tô màu đỏ. Hôm nay chúng ta vần uôi, uôm.  - GV viết tên bài lên bảng: Bài 66: uôi, uôm | | - Một số (2 - 3) HS trả lời.HS: Em thấy có những chiếc thuyền buồm trên biển  - HS đọc theo.  - HS đọc theo.  - HS lắng nghe. | |
| **(15’)2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ.**  **a. Đọc vần**  \* Vần uôi:  - GV giới thiệu vần uôi  - GV đánh vần mẫu  - Yêu cầu HS đọc trơn uôi  - Yêu cầu gài vần uôi  \* Vần uôm: Tương tự uôi  - Yêu cầu HS so sánh uôi và uôm  - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau đó.  - Yêu cầu đọc đồng thanh 2 vần 1 lần  **b. Đọc tiếng**  \* Hướng dẫn đọc tiếng mẫu: xuôi  - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): có vần “uôi”, muốn có tiếng “xuôi” ta làm như thế nào?  - GV yêu cầu HS đánh vần tiếng “xuôi”.  - GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng “xuôi”.  - GV yêu cầu phân tích tiếng “xuôi”.  **\* Đọc tiếng trong SHS:**  - GV đưa các tiếng ở nhóm thứ nhất: muối, muỗi, nguội, tuổi  - Yêu cầu HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng  - Yêu cầu HS đánh vần tiếng  - Yêu cầu HS đọc trơn tiếng  \* Tương tự các tiếng ở nhóm vần thứ hai: buồm, muỗm, nhuốm, nhuộm  - Đọc tất cả các tiếng  - YC HS gài vào bảng gài các tiếng có chứa vần uôi, uôm; trao đổi cùng bạn cùng bàn.  - GV cho một số em lên bảng trình bày.  - GV yêu cầu hs đọc, H:  + Đọc tiếng chứa vần uôi, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép.  + Đọc tiếng chứa vần uôm, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép.  - GV yêu cầu HS đọc trơn ĐT những tiếng vừa ghép được.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **c. Đọc từ ngữ**  \* Hướng dẫn đọc từ “con suối”.  - GV giới thiệu tranh và hỏi: con thấy gì trong tranh?  - GV giới thiệu từ “con suối”.  - Yêu cầu HS tìm tiếng có vần vừa học?  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng “suối”.  - Yêu cầu HS đọc trơn từ “con suối”  \* Tương tự: buổi sáng, quả muỗm  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ.  - Yêu cầu lớp đọc đồng thanh toàn bài  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần. | | - HS quan sát.  - Hs lắng nghe  - HS đọc cá nhân, nhóm, ĐT.  - HS gài vần uôi  - Giống : cùng có uô đầu vần  - Khác : uôi có i cuối vần, uôm có m cuối vần  - Hs lắng nghe  - HS đọc cá nhân, nhóm, ĐT.  - HS: Thêm âm x trước vần uôi.  - 4-5 HS đánh vần, đồng thanh.  - 4-5 HS đọc trơn tiếng mẫu, đồng thanh.  - HS phân tích  + HS: Giống nhau là các tiếng trên đều có vần uôi.  + HS đánh vần nối tiếp.  + HS đọc trơn cá nhân, ĐT.  - 3 - 4 HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 – 4 tiếng có cả hai vần.  - HS TLN 2 và gài các tiếng có chứa vần uôi, uôm  - HS đại diện trình bày.  + 3 - 4 HS phân tích tiếng.  + 2 – 3 HS nêu cách ghép.  - HS đọc trơn đồng thanh.  - HS: Tranh vẽ con suối.  - HS quan sát.  - 1 HS tìm  - HS: Tiếng suối có vần uôi  - HS đọc cá nhân - đồng thanh.  - HS nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ.  - Lớp đọc đồng thanh một số lần  - HS đọc theo nhóm | |
| **(12’)3. Viết bảng**  \* GV đưa mẫu chữ uôi, uôm và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết.  - Chú ý độ cao; điểm đặt bút, dừng bút; cách nối nét.  - Yêu cầu HS viết bảng con: uôi, uôm  - GV theo dõi, giúp đỡ.  - GV nhận xét, tuyên dương.  \* GV đưa chữ mẫu: con suối, quả muỗm  - GV viết mẫu và nêu cách viết.  - Yêu cầu HS viết bảng con:con suối, quả muỗm  - GV theo dõi, giúp đỡ.  - GV nhận xét, tuyên dương. | | - Hs lắng nghe và quan sát  - HS viết bảng con: uôi, uôm  - Hs lắng nghe  - HS viết bảng con: con suối, quả muỗm  - HS lắng nghe |

Ngày soạn: 30 tháng 11 năm 2021

Ngày giảng: thứ sáu ngày 3 tháng 12 năm 2021

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 66: UÔI – UÔM (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vẩn uôi, uôm; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vẩn uôi, uôm; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc. Viết đúng các vẩn uôi, uôm; viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vẩn uôi, uôm. Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vẩn uôi, uôm có trong bài học.

- Phát triển kĩ năng nói về việc đi lại trên biển. Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết cảnh sắc bình minh trên biển, các phương tiện trên biển (thuyên buồm, tàu đánh cá) và các hoạt động trên biển; suy đoán nội dung tranh minh hoạ (cánh buồm căng gió, cảnh sắc và các hoạt động lúc bình minh trên biển).

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và đời sống trên biển thông qua các hình ảnh trong bài.

**II. CHUẨN BỊ**

**- GV:** Máy chiếu, tranh minh họa, ảnh, mẫu vật.

**- HS:** SHS, Bộ thực hành Tiếng Việt, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| \* Cho ban văn nghệ điều khiển thư giãn  - GV yêu cầu HS đọc lại bài vừa học. | * HS thực hiện * HS đọc âm, đánh vần tiếng, đọc trơn. |
| **(10’)4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS mở vở Tập viết tập 1/42  - GV đưa chữ mẫu lên bảng:  + Các con chữ này có độ cao bao nhiêu?  - GV HDHS điểm đặt bút và dừng bút, cách nối nét giữa các con chữ.  - Yêu cầu HS viết bài vào vở.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết, nhắc nhở HS tư thế ngồi hoặc cầm bút.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS | - HS đọc: con suối, quả muỗm  - HS: con chữ q cao 4 dòng li  Con chữ s cao hơn 2 dòng li  Các con chữ còn lại cao 2 dòng li  - HS lắng nghe.  - HS viết vào vở.  - HS lắng nghe. |
| **(10’)5. Đọc đoạn**  - Yêu cầu HS mở SHS/145  - GV yêu cầu HS đọc thầm: “*Buổi sớm mai, ông mặt trời nhô lên từ biển. Mặt biển nhuộm màu xanh biếc. Đàn hải âu sải cánh bay liệng trên bầu trời. Xa xa là những cánh buồm căng gió. Phía bến cảng, những chiếc tàu cá nối đuôi nhau vào bờ*.” Tìm tiếng có chứa vần mới vừa học.  - GV giải nghĩa từ: đàn hải âu, bến cảng (chiếu hình ảnh)  - GV đọc mẫu câu ứng dụng (Chú ý đọc với ngắt nghỉ hơi đúng nhịp.)  *Buổi sớm mai,/ ông mặt trời nhô lên từ biển.// Mặt biển nhuộm màu xanh biếc.// Đàn hải âu sải cánh bay liệng trên bầu trời.// Xa xa là những cánh buồm căng gió.// Phía bến cảng,/ những chiếc tàu cá nối đuôi nhau vào bờ*.//  - Gọi HS đọc.  - Nhận xét, sửa sai (nếu có).  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và TLN2 trả lời các câu hỏi:  + Tranh vẽ gì?  + Buổi sớm mai, mặt biển được tả như thế nào?  + Có thể nhìn thấy những gì trên trời và trên biển vào lúc đó?  + Em có yêu biển không ?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV hỏi thêm:  + Em đã được ba mẹ cho đi tắm biển chưa ? Em sẽ làm gì để giữ vệ sinh môi trường của biển?  - GV liên hệ: Để bãi biển của chúng ta luôn sạch đẹp thì chúng ta cần phải nhớ không vứt rác bừa bãi, bỏ rác vào thùng rác đúng nơi quy định. Và các em chỉ được phép đi tắm biển khi ba mẹ đồng ý, chú ý mặc áo phao, không tự ý ra xa bờ biển. | - HS thực hiện.  - HS: nhuộm, buồm.  - HS theo dõi.  - HS lắng nghe.  - HS đọc (cá nhân, đồng thanh).  - HS quan sát. HSTLN2 và đại diện trả lời: 2 - 3 em.  + Vẽ biển, chim hải âu, thuyền buồm, …  + Mặt biển được tả rất đẹp, …  + Chim hải âu, mặt trời, mây, …  + HS trả lời.  - HS lắng nghe.  + Em đã được đi tắm biển cùng ba mẹ, …. Em sẽ không vứt rác bừa bãi, bỏ rác vào thùng rác đúng nơi quy định. |
| **(5’)6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS.  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Các em nhìn thấy những phương tiện gì trong tranh?  + Em có biết tên những phương tiện đó không?  + Em có biết các phương tiện này di chuyển bằng cách nào không?    + Theo em, phương tiện nào di chuyển nhanh hơn?  + Nếu đi lại trên biển, em chọn phương tiện nào? Vì sao?  - GV chốt: Khi chúng ta tham gia giao thông trên biển thì chúng ta phải lưu ý luôn đi cùng người lớn, mặc áo phao ngồi ngay ngắn không chạy nhảy hay bám vào thành tàu …  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi, kể them 1 vài phương tiện đi trên biển mà em biết.  - Đại diện nhóm kể.  - GV và HS nhận xét. | - HS quan sát.  - Em nhìn thấy tàu thủy, thuyền buồm, thúng ở trong tranh  - HS trả lời  - Tàu thủy di chuyển bằng động cơ máy móc, thuyền buồm nhờ gió đẩy cánh buồm, thúng nhờ người chèo  - Tàu thủy  - HS trả lời.  - HS thực hiện nhóm đôi.  - HS thực hiện: 2 - 4 nhóm.  - HS nhận xét bạn. |
| **(5’)C. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV tổ chức HS tham gia trò chơi: **“Ai là nhà vô địch”**  GV chia lớp làm 2 đội, đội nào tìm được nhiều từ ngữ chứa âm vừa học thì chiến thắng. Sau đó gọi 1 số HS đặt câu với các từ đã tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Dặn dò HS tự tìm một số từ ngữ chứa các vần uôi, uôm và đặt câu với từ ngữ tìm được*.*  Bài sau : bài 67 : uôc – uôt | - HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe và thực hiện. |

------------------------------------------

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 67: UÔC – UÔT ( tiết 1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết và đọc đúng các vần uôc, uôt; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần uôc, uôt; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.Viết đúng các vần uôc, uôt; viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần uôc, uôt.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần uôc, uôt có trong bài học.

Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm đi dự sinh nhật bạn như: chuẩn bị quà đi dự sinh nhật bạn, nói lời chúc mừng sinh nhật bạn,...Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết những sự vật, hoạt động liên quan đến những sinh hoạt thường nhật trong gia đình, sự chăm sóc, tình cảm mẹ con qua việc quan sát tranh (1. Mẹ vuốt tóc và buộc nơ cho Hà; 2. Mẹ đưa Hà đi chơi công viên; 3. Chuẩn bị đi dự sinh nhật bạn).

- Cảm nhận được tình cảm gia đình, nhất là tình cảm giữa mẹ và con và sự chăm sóc của mẹ đối với con.

**II. CHUẨN BỊ**

**- GV:** Máy chiếu, tranh minh họa, ảnh, mẫu vật.

**- HS:** SHS, Bộ thực hành Tiếng Việt, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **5’)A. ÔN VÀ KHỞI ĐỘNG**  Tổ chức trò chơi: “**Nhìn hình đoán chữ”**  GV chiếu hình ảnh, HS đoán từ ngữ dựa vào hình ảnh đó. HS nào trả lời đúng sẽ được thưởng một tràn pháo tay. Sau đó HS phân tích tiếng chứa vần đã học.  *muối i ốt, con muỗi, thuyền buồm*  *nhuộm tóc, buổi tối, luộm thuộm*  - GV tuyên dương HS sau mỗi lần đọc đúng.  - GV cho HS đọc lại các từ vừa đoán được.  - GV tổng kết trò chơi.  - GV cho HS đọc lại đoạn ứng dụng: *Buổi sớm mai, ông mặt trời nhô lên từ biển. Mặt biển nhuộm màu xanh biếc. Đàn hải âu sải cánh bay liệng trên bầu trời. Xa xa là những cánh buồm căng gió. Phía bến cảng, những chiếc tàu cá nối đuôi nhau vào bờ*..  GV nhận xét – tuyên dương.  - Dẫn vào bài: | - HS tham gia trò chơi và đọc.  - HS vỗ tay.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS lắng nghe. |
| **B. BÀI MỚI** |  |
| **(8’)1. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  + Em thấy gì trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV đọc câu dưới tranh: Mẹ vuốt tóc và buộc nơ cho Hà.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV yêu cầu HS đọc lại câu nhận biết một số lần:  Mẹ vuốt tóc/ và buộc nơ cho Hà.//  - GV: Trong câu vừa đọc, có các tiếng: vuốt chứa vần uôt, tiếng: buộc chứa vần uôc, được tô màu đỏ. Hôm nay chúng ta học vần uôt, uôc.  - GV viết tên bài lên bảng:  Bài 67: uôt, uôc | + HS: Em thấy mẹ vuốt tóc và buộc tóc cho bé.  - HS đọc theo.  - HS đọc theo.  - HS lắng nghe. |
| **(15’)2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ.**  **a. Đọc vần**  \* Vần uôt:  - GV giới thiệu vần uôc  - GV đánh vần mẫu  - Yêu cầu HS đọc trơn uôc  - Yêu cầu gài vần uôc  \* Vần uôc: Tương tự uôc  - Yêu cầu HS so sánh uôc và uôt  - GV nhắc lại điểm giống và khác nhau đó.  - Yêu cầu đọc đồng thanh 2 vần 1 lần  **b. Đọc tiếng**  \* Hướng dẫn đọc tiếng mẫu: buộc  - GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): có vần “uôc”, muốn có tiếng “buộc” ta làm như thế nào?  - GV yêu cầu HS đánh vần tiếng “buộc”.  - GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng “buộc”.  - GV yêu cầu phân tích tiếng “buộc”.  **\* Đọc tiếng trong SHS:**  - GV đưa các tiếng ở nhóm thứ nhất: cuốc, luộc, ruốc, thuộc  - Yêu cầu HS tìm điểm giống nhau giữa các vần  - Yêu cầu HS đánh vần tiếng  - Yêu cầu HS đọc trơn tiếng  \* Tương tự các tiếng ở nhóm vần thứ hai: buốt, muốt, ruột, tuột  - Đọc tất cả các tiếng  - YC HS gài vào bảng gài các tiếng có chứa vần uôc, uôt; trao đổi cùng bạn cùng bàn.  - GV cho một số em lên bảng trình bày.  - GV yêu cầu hs đọc, H:  + Đọc tiếng chứa vần uôc, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép.  + Đọc tiếng chứa vần uôt, phân tích tiếng, nêu lại cách ghép.  - GV yêu cầu HS đọc trơn ĐT những tiếng vừa ghép được.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **c. Đọc từ ngữ**  \* Hướng dẫn đọc từ “ngọn đuốc”.  - GV giới thiệu tranh và hỏi: con thấy gì trong tranh?  - GV giới thiệu từ “ngọn đuốc”.  - Yêu cầu HS tìm tiếng có vần vừa học?  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng “đuốc”.  - Yêu cầu HS đọc trơn từ “ngọn đuốc”  \* Tương tự: viên thuốc, con chuột  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ.  - Yêu cầu lớp đọc đồng thanh toàn bài  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần. | - HS quan sát.  - Hs lắng nghe  - HS đọc cá nhân, nhóm, ĐT.  - HS gài vần uôt  - HS: giống nhau đều có nguyên âm đôi uô, khác nhau uôt có âm t ở sau, uôc có âm c.  - HS nghe.  - HS đọc  - HS lắng nghe.  - HS nêu : thêm âm b trước vần uôc và dấu nặng dưới âm ô  - 4-5 HS đánh vần tiếng mẫu. Lớp đánh vần đồng thanh.  - 4 – 5 HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh  - HS: Giống nhau là các tiếng trên đều có vần uôc.  - HS đánh vần nối tiếp.  - HS đọc trơn cá nhân, ĐT.   * 3 - 4 HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 – 4 tiếng có cả hai vần. * 2 HS đọc trơn tất cả các tiếng, ĐT.   - HS TLN 2.  - HS đại diện trình bày.  - HS đọc  - 3 - 4 HS: phân tích tiếng.  - 2 – 3 HS nêu cách ghép.    - HS đọc trơn đồng thanh.  - HS: Tranh vẽ ngọn đuốc  - HS quan sát.  - HS: Tiếng đuốc, chứa vần uôc.  - 1 HS phân tích tiếng đuốc; 1 HS đánh vần.  - HS đọc trơn.  - HS nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS dọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ.  - Lớp đọc đồng thanh một số lần.  - HS đọc theo nhóm, ĐT. |
| **(12’)3. Viết bảng**  \* GV đưa mẫu chữ uôt, uôc và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết.  - Chú ý độ cao; điểm đặt bút, dừng bút; cách nối nét.  - Yêu cầu HS viết bảng con: uôc, uôt  - GV theo dõi, giúp đỡ.  - GV nhận xét, tuyên dương.  \* GV đưa chữ mẫu: ngọn đuốc, con chuột  - GV viết mẫu và nêu cách viết.  - Yêu cầu HS viết bảng con: ngọn đuốc, con chuột  - GV theo dõi, giúp đỡ.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Hs lắng nghe và quan sát  - HS viết bảng con: uôt, uôc  - Hs lắng nghe  - HS viết bảng con: ngọn đuốc, con chuột  - HS lắng nghe |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| \* Cho ban văn nghệ điều khiển thư giãn  - GV yêu cầu HS đọc lại bài vừa học. | * HS thực hiện * HS đọc âm, đánh vần tiếng, đọc trơn. |
| **(10’)4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS mở vở Tập viết tập 1/42 - 43  - GV đưa chữ mẫu lên bảng: ngọn đuốc, con chuột  + Các con chữ này có độ cao bao nhiêu?  - GV HDHS điểm đặt bút và dừng bút, cách nối nét giữa các con chữ.  - Yêu cầu HS viết bài vào vở.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết, nhắc nhở HS tư thế ngồi hoặc cầm bút.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS | - HS đọc  - HS: t cao 3 dòng li.  đ cao 4 dòng li.  g, h cao 5 dòng li.  Các con chữ còn lại cao 2 dòng li.  - HS lắng nghe.  - HS viết vào vở. |
| **(10’)5. Đọc đoạn**  - Yêu cầu HS mở SHS/147  - GV yêu cầu HS đọc thầm: *Mẹ cho Hà đi công viên. Cô bé rất thích thú và háo hức. Hà mặc váy trắng, đi giày màu hồng. Mẹ còn vuốt tóc và buộc nơ cho Hà. Mẹ bảo Hà khi đi chơi cần ăn mặc gọn gàng, lịch sự.*  Tìm tiếng có chứa vần uôc, uôt  - GV giải nghĩa từ:  háo hức : nóng lòng chờ điều vui.  ăn mặc gọn gàng, lịch sự: ăn mặc đẹp, sạch sẽ, phù hợp với lứa tuổi, phù hợp với nơi mình đến  GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 - 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV đọc mẫu câu ứng dụng  *Mẹ cho Hà đi công viên.// Cô bé rất thích thú và háo hức.// Hà mặc váy trắng,/ đi giày màu hồng.// Mẹ còn vuốt tóc và buộc nơ cho Hà.// Mẹ bảo Hà khi đi chơi cần ăn mặc gọn gàng,/ lịch sự.//*  - Gọi HS đọc.  - Nhận xét, sửa sai (nếu có).  - GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng, TLN2 và trả lời các câu hỏi:  + Mẹ cho Hà đi đâu?  + Từ ngữ nào thể hiện Hà rất vui?  + Hà mặc gì khi đi chơi?  + Theo mẹ Hà, khi đi chơi, cẩn phải ăn mặc như thế nào?  - GV và HS thống nhất câu trả lời. | - HS thực hiện.  - HS: buộc, vuốt  - HS lắng nghe.  - 5 câu    - HS lắng nghe.  - HS đọc (cá nhân, đồng thanh).  - HS trả lời: 2 - 3 em.  + Mẹ cho Hà đi công viên  + Từ ngữ thích thú và háo hức thể hiện Hà rất vui.  + Hà mặc váy trắng, đi giày màu hồng.  + Theo mẹ Hà, khi đi chơi cần ăn mặc gọn gàng, lịch sự.  - HS lắng nghe. |
| **5’)6. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  + Em nhìn thấy những ai và những gì trong bức tranh?  + Các bạn ấy đang làm gì?    + Em đã bao giờ làm những việc đó chưa? Nếu đã làm, em có cảm thấy thích thú khi làm việc đó không?  - GV và HS thống nhất nội dung tranh.  - Yêu cầu HS TLN2 để chia sẻ về món quà mà mình đã tự chuẩn bị ở nhà để tặng sinh nhật bạn hay người thân  - Vài nhóm chia sẻ trước lớp. Sau đó, đóng vai người nhân quà và người tặng quà.  - GV và cả lớp nhận xét – tuyên dương.  - GV liên hệ : khi tặng quà hay được nhận quà đều phải lịch sự. Tặng quà kèm lời chúc mừng, đưa bằng 2 tay, nhận quà cần biết cảm ơn và nhận bằng 2 tay. | - HS quan sát.  + Bạn trai, bạn gái, hộp quà, tấm thiệp.  + Bạn trai gói quà sinh nhật, bạn gái trang trí thiệp sinh nhật.  - HS trả lời  - HS tham gia TLN.  - HS theo dõi.  - HS lắng nghe. |
| **(5’)C. CỦNG CỐ DẶN DÒ**  - GV tổ chức HS tham gia trò chơi: **“Ai là nhà vô địch”**  GV chia lớp làm 2 đội, đội nào tìm được nhiều từ ngữ chứa vần uôc, uôt vừa học thì chiến thắng. Sau đó gọi 1 số HS đặt câu với các từ đã tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Dặn dò HS tự tìm một số từ ngữ chứa các vần uôc, uôt và đặt câu với từ ngữ tìm được*.*  Bài sau : bài 68 : uôn – uông | - HS tham gia. |

------------------------------------------

**SINH HOẠT LỚP TUẦN 13**

**Chủ đề: AN TOÀN CHO EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- HS biết khuyên bạn không tham gia các trò chơi nguy hiểm.

**-** Tự chủ và tự học**:** HS tự giác không tham gia các trò chơi có thể gây nguy hiểm .

**- Năng lực thích ứng với cuộc sống.**

+ HS biết chia sẻ mong muốn của mình về điều kiện vui chơi an toàn.

+ Các nhóm vẽ được 1 bức tranh về chủ đề An toàn khi vui chơi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

* Phần thưởng nhỏ dành cho những HS hoàn thành tốt.

1. **PHƯƠNG PHÁP**

* Động não.
* Suy ngẫm.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** |
| 1 phút  14 phút    8 phút  10 phút  2 phút | **1. Ổn định tổ chức:**  - GV mời lớp trưởng lên ổn định lớp học.  **2. Sơ kết tuần và thảo luận kế hoạch tuần sau**  **a/ Sơ kết tuần học**  \* Mục tiêu: HS biết được những ưu điểm và tồn tại trong việc thực hiện nội quy lớp học.  \*Cách thức tiến hành:  - Lớp trưởng mời lần lượt các tổ trưởng lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động của tổ mình trong tuần qua.  + Lần lượt các Tổ trưởng lên báo cáo, nhận xét kết quả thực hiện các mặt hoạt động trong tuần qua.  Sau báo cáo của mỗi tổ, các thành viên trong lớp đóng góp ý kiến.  - Lớp trưởng nhận xét chung tinh thần làm việc của các tổ trưởng và cho lớp nêu ý kiến bổ sung (nếu có). Nếu các bạn không còn ý kiến gì thì cả lớp biểu quyết thống nhất với nội dung mà tổ trưởng đã báo cáo bằng một tràng pháo tay (vỗ tay).  - Lớp trưởng tổng kết và đề xuất tuyên dương cá nhân, nhóm điển hình của lớp; đồng thời nhắc nhở các cá nhân, nhóm, cần hoạt động tích cực, trách nhiệm hơn (nếu có).  - Lớp trưởng mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến.  Dựa trên những thông tin thu thập được về hoạt động học tập và rèn luyện của lớp, giáo viên chủ nhiệm góp ý, nhận xét và đánh giá về:  + Phương pháp làm việc của ban cán sự lớp; uốn nắn điều chỉnh để rèn luyện kỹ năng tự quản cho lớp.  + Phát hiện và tuyên dương, động viên kịp thời các cá nhân đã có sự cố gắng phấn đấu trong tuần.  + Nhắc nhở chung và nhẹ nhàng trên tinh thần góp ý, động viên, sửa sai để giúp đỡ các em tiến bộ và hoàn thiện hơn trong học tập và rèn luyện… (không nêu cụ thể tên học sinh vi phạm hay cần nhắc nhở trước tập thể lớp).  + Tiếp tục rút kinh nghiệm với những kết quả đạt được đồng thời định hướng kế hoạch hoạt động tuần tiếp theo.  - Lớp trưởng : *Chúng em cảm ơn những ý kiến nhận xét của cô. Tuần tới chúng em hứa sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn.*  **b/ Xây dựng kế hoạch tuần tới**  \* Mục tiêu: HS biết được cách lập kế hoạch trong tuần tiếp theo.  \*Cách thức tiến hành:  **-** Lớp trưởng yêu cầu các tổ trưởng dựa vào nội dung cô giáo vừa phổ biến lập kế hoạch thực hiện.  - Các tổ thảo luận đề ra kế hoạch tuần tới với nhiệm vụ phải thực hiện và mục tiêu phấn đấu đạt được trên tinh thần khắc phục những mặt yếu kém tuần qua và phát huy những lợi thế đạt được của tập thể lớp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong tổ.  - Lớp trưởng cho cả lớp hát một bài trước khi các tổ báo cáo kế hoạch tuần tới.  - Lần lượt các Tổ trưởng báo cáo kế hoạch tuần tới.  Sau mỗi tổ báo cáo, tập thể lớp trao đổi, góp ý kiến và đi đến thống nhất phương án thực hiện.  - Lớp trưởng: Nhận xét chung tinh thần làm việc và kết qủa thảo luận của các tổ.  *Các bạn đã nắm được kế hoạch tuần tới chưa?* (Cả lớp trả lời)  - Lớp trưởng: *Chúng ta sẽ cùng nhau cố gắng thực hiện nhé! Bạn nào đồng ý cho 1 tràng pháo tay.*  - Lớp trưởng: *mời giáo viên chủ nhiệm cho ý kiến*.  - Giáo viên chốt lại và bổ sung kế hoạch cho các ban.  **3. Sinh hoạt theo chủ đề:**  ***a, Chia sẻ mong muốn của em vê điều kiện vui chơi an toàn***  - GV khuyên khích HS nêu những mong muốn của mình đối với nhà trường, gia đình, địa phương vể việc tạo ra những khu vực, trò chơi an toàn cho các em.  - Mỗi HS chia sẻ trong vòng một đến hai phút. GV động viên các em nói đúng với mong muốn của mình, không bắt chước bạn.  ***b, Vẽ tranh về chủ đề “Vui chơi an toàn”***  - GV yêu cầu mỗi nhóm HS tự chọn và vẽ một tranh về chủ đề vui chơi an toàn. Các nhóm cùng nhau bàn bạc và thống nhất ý tưởng rồi cùng vẽ *(lưu ý HS không cần vẽ chi tiết, quan trọng là thể hiện ý tưởng của tranh).*  - Khích lệ các nhóm xung phong giới thiệu với lớp về bức tranh và ý tưởng bức tranh của nhóm mình.  - Yêu cầu các bạn trong lớp tập trung quan sát và chú ý lắng nghe để nhận xét hoặc đặt câu hỏi cho nhóm bạn.  GV khen ngợi sự sáng tạo của các nhóm.  **ĐÁNH GIÁ**  **a, Cá nhân tự đánh giá**  GV hướng dẫn HS tự đánh giá khả năng theo các mức độ dưới đây:  ***Tốt:*** Thực hiện được thường xuyên tất cả các yêu cầu sau:  + Nhận biết được những hành động vui chơi an toàn.  + Nhận biết được những hành động vui chơi không an toàn và hậu quả của nó.  ***Đạt:*** Thực hiện được các yêu cầu trên nhưng nói chưa đủ hậu quả của hành động vui chơi không an toàn.  ***Cần cố gắng:*** Chưa thực hiện được đầy đủ các yêu cầu trên, chưa nêu được hậu quả của hành động vui chơi không an toàn.  **b.Đánh giá theo tổ/ nhóm**  GV hướng dẫn tổ trưởng/ nhóm trưởng điểu hành để các thành viên trong tổ/ nhóm đánh giá lẫn nhau vể các nội dung trên và thái độ tham gia hoạt động có tích cực, tự giác, hợp tác, trách nhiệm,... hay không.  **c.Đánh giá chung của GV**  GV dựa vào quan sát, tự đánh giá của từng cá nhân và đánh giá của các tổ/ nhóm để đưa ra nhận xét, đánh giá chung.  **4.** **Củng cố - dặn dò**  - Nhận xét tiết học của lớp mình.  - GV dặn dò nhắc nhở HS | -HS hát một số bài hát.  - Các tổ trưởng nêu ưu điểm và tồn tại việc thực hiện hoạt động của tổ.  - Lớp trưởng nhận xét chung cả lớp.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS nghe.  - Các tổ thực hiện theo.  - Các tổ thảo luận và nêu kế hoạch tuần tới.  - Cả lớp hát đồng thanh.  - Tổ trưởng lên báo cáo. Cả lớp lắng nghe, thảo luận trao đổi ý kiến và thống nhất phương án thực hiện.  - HS lắng nghe.  -HS lắng nghe và vỗ tay đồng ý.  -HS lắng nghe.  - HS chia sẻ  - HS tham gia  - HS lắng nghe  -HS lắng nghe.  - HS nêu  - HS tham gia vẽ tranh  - HS tự đánh giá theo các mức độ  - HS đánh giá lẫn nhau về các nội dung  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY** *(Nếu có)*

*………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_